

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2472/UBND-KT

Đức Cơ, ngày 23 tháng 11 năm 2020

Về việc giao nhiệm vụ xây dựng đề án phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ huyện Đức Cơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi:

- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa và Thông tin, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động Thương binh và XH, Tài nguyên và Môi trường.

Triển khai Văn bản số 2690/SKHĐT-TH ngày 20/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v xây dựng đề án phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. UBND huyện chỉ đạo như sau:

1. Các cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện xây dựng đề án (theo đề cương kèm theo) của ngành, lĩnh vực phụ trách như sau:

- Đề nghị Ban quản lý khu kinh tế tỉnh: Phối hợp xây dựng đề án hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Hạ tầng về giao thông, năng lượng, điện, các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, thương mại và khoa học công nghệ.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT: Hạ tầng thủy lợi.

- Phòng Văn hóa và Thông tin: Hạ tầng về thông tin, văn hóa, thể thao và du lịch.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo: Hạ tầng về giáo dục và đào tạo.

- Phòng Lao động Thương binh và XH: Hạ tầng về dạy nghề.

- Phòng Y tế: Hạ tầng về Y tế.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường: Hạ tầng xử lý chất thải rắn.

Các đơn vị gửi đề án về UBND huyện (qua Phòng Tài chính – Kế hoạch), trước ngày **28/11/2020**.

2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch: Tổng hợp, hoàn chỉnh đề án chung của huyện, trình UBND huyện ban hành **trước ngày 02/12/2020**.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện, VP;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm GDNN GDTX;
- Trung tâm Y tế huyện;
- Điện lực Đức Cơ;
- Lưu VT, VP, TCKH.

Ph/hợp



Trần Ngọc Phận

**ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐỒNG BỘ, NHẤT LÀ HẠ TẦNG CÁC VÙNG ĐỘNG LỰC CỦA HUYỆN
ĐỨC CƠ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**



I. Phần mở đầu:

1. Sự cần thiết của Đề án:

Nền kinh tế càng phát triển, quá trình đô thị càng mạnh mẽ nhu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng cao. Trong những năm qua, Gia Lai đã huy động nhiều nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng vùng động lực góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng vẫn còn hạn chế, không đồng bộ: nhất là hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị ... làm giảm sức cạnh tranh trong thu hút đầu tư và là một trong những điểm nghẽn tăng trưởng. Tại Nghị quyết 03-NQ/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định: “tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực” là một đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

2. Căn cứ xây dựng

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Đức Cơ lần thứ VII;
- Quy hoạch gồm các nội dung tích hợp của ngành, lĩnh vực và các huyện, thị xã, thành phố;
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện và các quy hoạch lập theo quy định của luật quy hoạch 2019;
- Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 5 giai đoạn 2021-2025;

3. Mục tiêu của Đề án:

Xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với tầm nhìn dài hạn. Đề xuất các bước đi và giải pháp phát triển đối với kết cấu hạ tầng các lĩnh vực trọng tâm, đảm bảo phát triển đồng bộ, phù hợp với đường lối, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước.

4. Phạm vi của Đề án:

Kết cấu hạ tầng là một lĩnh vực khá rộng bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, cả hạ tầng “cứng” và hạ tầng “mềm”... Trong phạm vi tập trung vào các hạ tầng gồm: giao thông, hệ thống điện, thủy lợi, hạ tầng đô thị; hạ tầng các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu Kinh tế; hạ tầng thương mại; hạ tầng thông tin; hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, dạy nghề; hạ tầng y

tế; hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch; hạ tầng xử lý chất thải rắn và có một số công trình hiện đại.

II. Phần thứ nhất: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng huyện Đức Cơ tỉnh Gia Lai.

1. Khái quát đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai:

- Đặc điểm tự nhiên: Đặc điểm, vị trí địa lý, diện tích, dân số tự nhiên và phân bố dân cư, số đơn vị hành chính, những nét chính về lợi thế của tỉnh so với khu vực...

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đức Cơ tỉnh Gia Lai tính đến năm 2020: Tốc độ phát triển kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, cơ cấu các nguồn vốn đầu tư, tình hình thu ngân sách trên địa bàn...

2. Thể chế, chính sách trong quản lý, khai thác và phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế-xã hội:

- Hạ tầng giao thông.

+ Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.

+ Khó khăn, bất cập.

- Hạ tầng cung cấp năng lượng, điện.

+ Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.

+ Khó khăn, bất cập.

- Hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.

+ Khó khăn, bất cập.

- Hạ tầng đô thị; đồng thời gắn với các công trình hiện đại.

+ Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.

+ Khó khăn, bất cập.

- Hạ tầng các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

+ Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.

+ Khó khăn, bất cập.

- Hạ tầng thương mại, dịch vụ.

+ Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.

+ Khó khăn, bất cập.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông.
- + Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.
- + Khó khăn, bất cập.
- Hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, dạy nghề.
- + Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.
- + Khó khăn, bất cập.
- Hạ tầng y tế.
- + Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.
- + Khó khăn, bất cập.
- Hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch.
- + Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.
- + Khó khăn, bất cập.
- Hạ tầng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.
- + Thuận lợi trong việc thực thi thể chế, chính sách.
- + Khó khăn, bất cập.

3. Thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh: Bao gồm:

- Hạ tầng giao thông: Gồm hạ tầng giao thông đường bộ, đường hàng không.
- + Kết quả đạt được.
- + Hạn chế và nguyên nhân.
- + Các chỉ tiêu đánh giá: Quy mô, năng lực hạ tầng giao thông, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hạ tầng giao thông; khả năng huy động hạ tầng giao thông cho phát triển kinh tế-xã hội,...
- Hạ tầng cung cấp năng lượng, điện.
- + Kết quả đạt được.
- + Hạn chế và nguyên nhân.
- + Các chỉ tiêu đánh giá thuộc ngành năng lượng, điện: Số nhà máy điện, tổng công suất lắp máy, tổng chiều dài đường dây cao thế, trung thế, hạ thế, quản lý, khai thác, sử dụng hạ tầng cung cấp điện; khả năng huy động hệ thống hạ tầng cung cấp điện cho phát triển kinh tế-xã hội,...
- Hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc ngành thủy lợi: Số công trình thủy lợi, năng lực thiết kế, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hạ tầng thủy lợi; khả năng huy động hệ thống hạ tầng thủy lợi cho phát triển kinh tế-xã hội,...

- Hạ tầng đô thị; đồng thời gắn với các công trình hiện đại.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng đô thị.

- Hạ tầng các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế: Số khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế; nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng; khả năng huy động hệ thống hạ tầng các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cho phát triển kinh tế-xã hội,...

- Hạ tầng thương mại, dịch vụ.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng thương mại, dịch vụ.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng thông tin và truyền thông: mạng lưới viễn thông, internet, dung lượng truyền dẫn, ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, điều hành phát triển kinh tế-xã hội,...

- Hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, dạy nghề.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, dạy nghề: số trường theo cấp học; tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng giáo dục;

khả năng huy động hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, dạy nghề cho phát triển kinh tế-xã hội,...

- Hạ tầng y tế.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng y tế: Số lượng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh; trung tâm y tế; tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hạ tầng y tế; khả năng huy động hệ thống hạ tầng y tế cho phát triển kinh tế-xã hội,...

- Hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch.

- Hạ tầng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

+ Kết quả đạt được.

+ Hạn chế và nguyên nhân.

+ Các chỉ tiêu đánh giá thuộc hạ tầng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

III. Phần thứ hai: Quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng của tỉnh Gia Lai.

1. Quan điểm:

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp, hiện đại hoá trên cơ sở giải phóng các nguồn lực, thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển nhanh và bền vững.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư kể cả trong nước cũng như nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng thời ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng, khó huy động được từ các nguồn lực xã hội.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với bảo vệ môi trường, tăng trưởng nhanh, bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tập trung phát triển hạ tầng các vùng động lực, các Khu, cụm công nghiệp, Khu kinh tế để tạo sức lan toả cho các vùng, địa phương lân cận.

2. Mục tiêu:

2.1. *Mục tiêu chung:* Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư, từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ, với

một số công trình hiện đại, tạo điều kiện phát triển nhanh và bền vững, tập trung đầu tư các lĩnh vực hạ tầng trọng điểm, then chốt; ưu tiên các dự án quan trọng tạo sự đột phá và có sức lan tỏa lớn; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển vùng động lực, xây dựng nông thôn mới, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể: Trên cơ sở đánh giá thực trạng sẽ đưa ra mục tiêu cụ thể cho từng nhóm hạ tầng.

- Hạ tầng giao thông: Gồm hạ tầng giao thông đường bộ, đường hàng không.

- Hạ tầng cung cấp năng lượng, điện.

- Hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Hạ tầng đô thị; đồng thời gắn với các công trình hiện đại.

- Hạ tầng các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

- Hạ tầng thương mại, dịch vụ.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Hạ tầng giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, dạy nghề.

- Hạ tầng y tế.

- Hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch.

- Hạ tầng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ:

3.1. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng các lĩnh vực trọng tâm:

3.1.1. Kết cấu hạ tầng giao thông.

a) Về đường bộ

b) Về đường hàng không

3.1.2. Kết cấu hạ tầng đô thị.

3.1.3. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

3.1.4. Phát triển các công trình hiện đại tại khu trung tâm, vùng động lực.

3.2. Phát triển kết cấu hạ tầng các lĩnh vực khác: Gồm:

- Kết cấu hạ tầng cung cấp năng lượng, điện.

- Kết cấu hạ tầng thuỷ lợi, ứng phó biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

- Kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ.

- Kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, dạy nghề.

- Kết cấu hạ tầng y tế.

- Kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch.

- Kết cấu hạ tầng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

4. Các giải pháp chủ yếu:

4.1. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện các quy hoạch, tạo định hướng đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; trọng tâm các vùng động lực.

4.2. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

4.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng.

4.4. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng.

4.5. Hoàn thiện và xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách về khuyến khích đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

4.6. Đẩy mạnh xã hội hoá.

IV. Phần thứ ba: Nguồn lực triển khai thực hiện đề án.

Nội dung này cần phân định rõ các nguồn lực:

1. Nguồn ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn xã hội hoá.

3. Các nguồn hợp pháp khác.

V. Phần thứ tư: Phân công tổ chức thực hiện đề án.

VI. Phần thứ năm: Kết luận, đề xuất và kiến nghị.

VII. Phần thứ sáu: Danh mục một số công trình trọng điểm cấp huyện, tỉnh giai đoạn 2021-2025.